TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1066/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/9/2023
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thành Danh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hồi.

2. Bà Trần Thị Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bùi Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1038/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 367/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 272/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Hữu N, sinh năm 1984 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: E Ấp C, xã X, huyện H, TP ..

Bị đơn: Bà Lê Thị A, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: 3 Tổ F, Ấp G, xã X, huyện H, TP ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Lê Hữu N trình bày:

Ông Lê Hữu N và bà Lê Thị A tự nguyện tìm hiểu và tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 17/9/2004 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ

chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày nên thường xuyên gây gỗ, cải vã nhau. Ông N và vợ đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện để hàn gắn gia đình nhưng mọi chuyện không thay đổi.

Nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng khó hàn gắn, bản thân ông N không còn yêu thương, không còn muốn chung sống với bà A. Do đó, ông N giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị A.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Hữu H, sinh ngày 27/12/2004, Lê Thị Thảo N1, sinh ngày 14/12/2009. Con chung Lê Hữu H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau ly hôn, ông N đồng ý giao con chung Lê Thị Thảo N1 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng tiền nuôi con ông N sẽ tự thỏa thuận riêng với bà A.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập bà Lê Thị A hợp lệ nhưng bà A không đến Tòa án làm việc, tham gia phiên hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của pháp luật. Việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xác định đúng người tham gia tố tụng. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là bà Lê Thị A có địa chỉ nơi cư trú cuối cùng tại 3 Tổ F, Ấp G, xã X, huyện H, TP . nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nguyên đơn ông Lê Hữu N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà A, ông N theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của ông Lê Hữu N và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thì ông N và bà A đã chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 58 quyển số 02, do Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 17/9/2004 nên quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà A là hợp pháp.

Ông N trình bày, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày nên thường xuyên gây gỗ, cải vã nhau. Ông N và vợ đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện để hàn gắn gia đình nhưng mọi chuyện không thay đổi, vợ chồng cũng không có biện pháp gì hàn gắn gia đình.

Xét quá trình sống chung giữa hai bên thực tế có xảy ra mâu thuẫn, mức độ mâu thuẫn các bên không dung hòa được mà càng kéo dài càng trầm trọng hơn, giữa vợ chồng không còn tình cảm, không còn sự thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Bà A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án,Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà A không đến Tòa án, thể hiện bà A không quan tâm đến quan hệ hôn nhân của bà và ông N, không có thành ý muốn hàn gắn tình cảm với ông N. Xét tình trạng mâu thuẫn giữa ông N và bà A trầm trọng, cuộc sống chung thực sự không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, việc ông N yêu cầu ly hôn với bà A là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Ông N và bà A có 02 con chung tên Lê Hữu H, sinh ngày 27/12/2004, Lê Thị Thảo N1, sinh ngày 14/12/2009. Con chung Lê Hữu H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau ly hôn, ông N đồng ý giao con chung Lê Thị Thảo N1 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, xin tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Trong quá trình làm việc tại Tòa án, bà A vắng mặt nên ghi nhận sự tự nguyện của ông N về việc đồng ý giao con chung tên Lê Thị Thảo N1, sinh ngày 14/12/2009 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông N cho đến khi bà Lê Thị A có đơn yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông N khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Trong quá trình làm việc tại Tòa án, bà A vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có cở sở.

[5] Về án phí: Ông Lê Hữu N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Hữu N được ly hôn với bà Lê Thị A.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 58 quyển số 02, do Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 17/9/2004 cấp cho ông Lê Hữu N và bà Lê Thị A không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Thị Thảo N1, sinh ngày 14/12/2009 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông N cho đến khi bà Lê Thị A có đơn yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Hữu N phải chịu án phí dân sự về giải quyết ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà ông N đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0040012 ngày 08/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, TP .. Ông N đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành án tại Cơ quan Thi Hành án có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Trường hợp, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM ;
- Chi cục THADS H. Hóc Môn ;
- VKSND H. Hóc Môn;
- UBND xã Hải Vĩnh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa;
- Đương sự;
- Lưu : VT, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Thành Danh